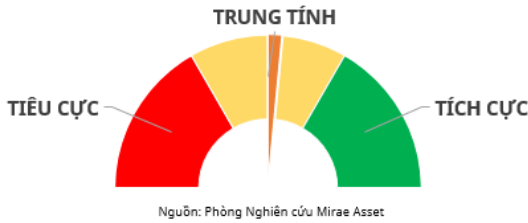


Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn

11 Tháng 08, 2022



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Nhận định thị trường

Ngưỡng 1,250 sẽ là điểm hỗ trợ tốt?

VN-Index tăng mạnh khi mở cửa hơn 10 điểm, bởi tác động tâm lý tích cực từ đà phục hồi từ chứng khoán Mỹ rạng sáng nay. Thế nhưng, đà tăng không giữ được khi áp lực chốt lời dần chiếm ưu thế và đã nhanh chóng đưa VN-Index về sắc đỏ. Đóng cửa, VN-Index giảm hơn 4,4 điểm tương ứng với 0,4%, và dừng chân tại ngưỡng 1,252 điểm. Thanh khoản khớp lệnh bất ngờ tăng mạnh gần 31% với hơn 765 triệu đơn vị, đạt mức cao nhất trong 2 tháng trở lại đây, tương ứng đạt 17,257 tỷ về mặt giá trị.

Nhóm cổ phiếu chứng khoán bị bán mạnh nhất khi có tới 24 mã giảm và 1 mã đi ngang. Trong đó, WSS (-6%); VCI (-5,5%); ORS (-5%); VIG (-4,4%) và CTS (-4,1%). Nhóm ngành Thép cũng theo đà giảm chung khi NKG (-4,2%) HSG (-2,9%) và HPG (-1,7%) Trái ngược, nhóm thủy sản có một số mã có diễn biến vượt trội với SJ1 (+6,2%); ANV (+1,9%) và VHC (+0,5%).

Khối ngoại tiếp tục duy trì vị thế mua ròng với tổng giá trị đạt hơn 129 tỷ trên cả 2 sàn HNX và HSX. Trong đó, SSI được mua ròng mạnh ở sàn HSX với gần 68 tỷ và PVS mua ròng với hơn 51 tỷ ở sàn HNX. Chiều ngược lại, VNM bán ròng hơn 105 tỷ đồng trong phiên.

Giảm điểm kèm theo đó là khối lượng tăng đã làm cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index rơi về mức cân bằng 0 điểm và vẫn giữ trạng thái đánh giá TRUNG TÍNH. Hệ số P/E của VN-Index đạt mức 13,4x.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	7	KHẢ QUAN
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	7	KHẢ QUAN
Dow Jones	5	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,252.07	-0.4	8.4	-7.8
HNX	300.18	-1.1	8.4	-10.2
UPCOM	92.72	-0.4	7.5	0.8
MSCI EM	997.20	-0.4	1.6	-23.1
NIKKEI	27,819.33	-0.6	3.8	-0.9
HANG SENG	20,042.28	2.2	-5.1	-24.8
KOSPI	2,523.78	1.7	7.8	-21.6
FTSE	7,507.22	0.0	4.3	4.0
S&P 500	4,210.24	2.1	9.2	-5.3
NASDAQ	12,854.80	2.9	13.0	-12.9

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	13.4	2.1	15.5
Indonesia	15.6	2.2	13.4
Philippines	18.3	1.8	9.9
Malaysia	16.9	1.5	8.7
Thailand	16.9	1.6	9.4

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.0	0	0	0
5 năm	3.0	-11	60	204
10 năm	3.5	-12	22	135

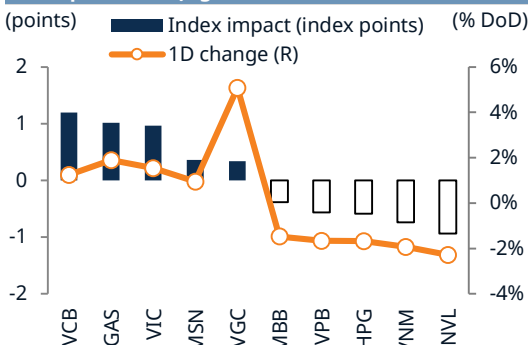
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,388	0.0	-0.2	-2.4
US\$/KRW	1,303.2	0.6	0.1	-11.3
US\$/JPY	132.6	0.2	3.7	-16.7
US\$/EUR	1.0	-0.2	-2.7	13.7
US\$/GBP	0.8	0.0	-2.7	13.4
US\$/SGD	1.4	0.0	2.7	-1.0

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	540	502	895
HNX	77	59	116
UPCOM	33	31	70

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Vui lòng xem điều khoản miễn trừ ở trang cuối

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

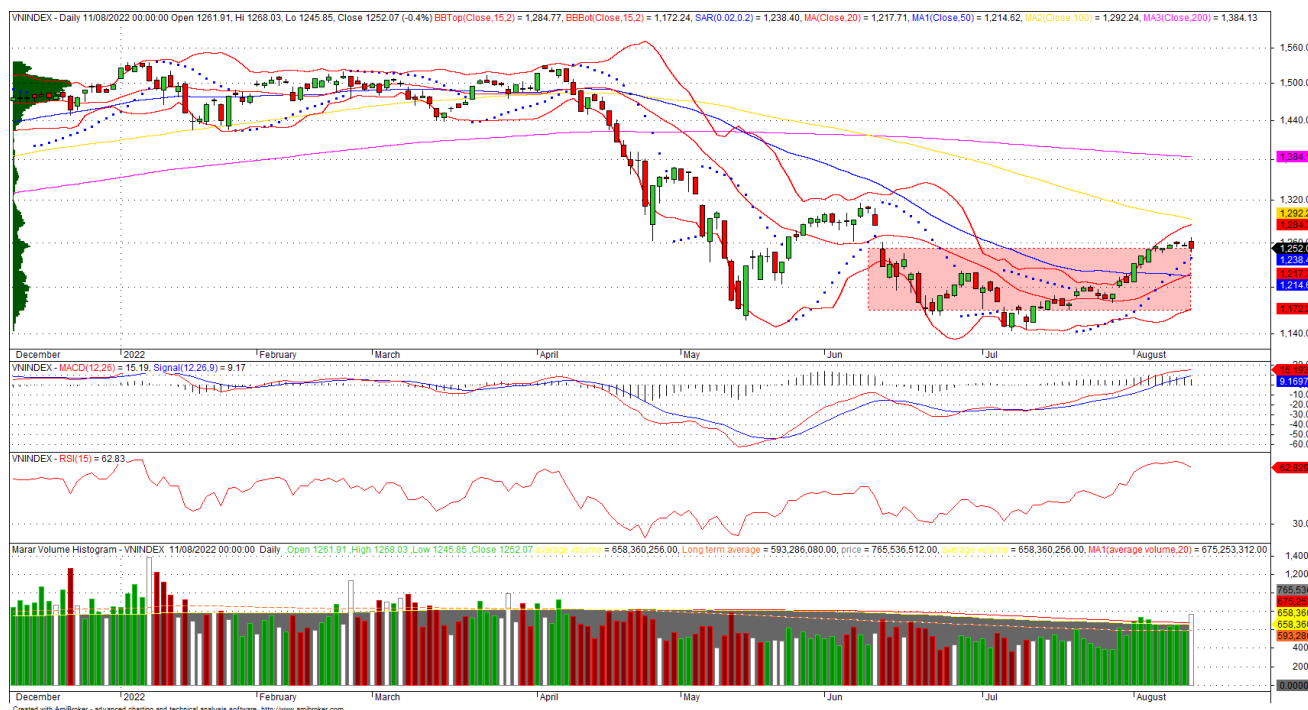
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (11/08/2022)	Kháng cự 1	1.250
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	1.300
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.220
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.170

VN-Index bán mạnh kèm theo khối lượng ở mức cao nhất 2 tháng, ngưỡng 1,250 điểm đang là ngưỡng hỗ trợ tốt

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (11/08/2022)	1.268	Kháng cự 1	1.260
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.300
VN30 - đóng cửa	1.272	Hỗ trợ 1	1.200
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-4,33	Hỗ trợ 2	1.180

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-3	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	2	KHẢ QUAN

VN30F1M đóng cửa ở mức thấp nhất trong ngày, khối lượng duy trì ở mức trung bình

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
IJC	Bất động sản	21,950	1,616,180	100	4	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
PVS	25.8	7,116,690	5	KHẢ QUAN	12,332	23.1	1.0	184
HDB	25.3	1,868,025	5	KHẢ QUAN	50,909	7.3	1.5	47
SBT	19.1	1,940,255	5	KHẢ QUAN	12,017	13.8	1.4	37
VHC	84.1	892,650	4	KHẢ QUAN	15,422	7.5	2.1	75
IJC	21.95	1,616,180	4	KHẢ QUAN	4,765	9.8	1.3	35
TCM	45.95	712,000	4	KHẢ QUAN	3,765	29.7	2.1	33
VOS	18	1,811,830	4	KHẢ QUAN	2,520	4.3	1.9	33
CII	23.05	6,037,585	3	TRUNG TÍNH	5,814	18.4	1.1	139
GAS	113	610,475	3	TRUNG TÍNH	216,276	16.8	3.6	69
VND	21.95	23,727,530	2	TRUNG TÍNH	26,731	6.7	1.8	521
SSI	24.4	20,960,050	2	TRUNG TÍNH	36,335	9.1	1.7	511
DXG	27.8	9,873,060	2	TRUNG TÍNH	16,889	22.7	1.8	274
NVL	81.3	2,346,610	2	TRUNG TÍNH	158,521	49.2	4.3	191
HSG	20.4	8,538,385	2	TRUNG TÍNH	10,117	4.8	0.9	174
FPT	86	1,759,565	2	TRUNG TÍNH	94,344	19.0	4.8	151
HBC	21.7	5,832,395	2	TRUNG TÍNH	5,269	52.6	1.4	127
FRT	79.1	1,599,580	2	TRUNG TÍNH	9,371	15.8	5.1	127
PVD	18.7	6,651,000	2	TRUNG TÍNH	10,395	#N/A N/A	0.8	124
HNG	6.92	14,711,625	2	TRUNG TÍNH	7,583	#N/A N/A	2.7	102
VCB	81.5	1,101,645	2	TRUNG TÍNH	385,700	#N/A N/A	#N/A N/A	90
REE	80.2	1,106,655	2	TRUNG TÍNH	28,503	12.2	2.0	89
BCG	16.95	4,914,490	2	TRUNG TÍNH	8,355	8.8	1.2	83
NLG	42.5	1,817,780	2	TRUNG TÍNH	16,275	20.8	1.9	77
VPI	65.3	1,114,325	2	TRUNG TÍNH	14,366	24.1	4.4	73
VIC	65.8	1,057,905	2	TRUNG TÍNH	250,957	#N/A N/A	2.4	70
SCR	12.65	5,358,490	2	TRUNG TÍNH	4,525	34.4	0.9	68
ANV	49.5	1,344,150	2	TRUNG TÍNH	6,293	12.9	2.3	67
PNJ	115.4	564,095	2	TRUNG TÍNH	27,654	21.5	3.4	65
ITA	8.06	7,977,200	2	TRUNG TÍNH	7,563	23.7	0.7	64
BID	38.85	1,652,320	2	TRUNG TÍNH	193,741	14.9	2.1	64
IDI	20.45	2,818,115	2	TRUNG TÍNH	4,655	9.0	1.4	58
TNG	28.2	2,030,430	2	TRUNG TÍNH	2,763	9.5	1.9	57
LDG	10.85	4,278,210	2	TRUNG TÍNH	2,598	18.2	0.8	46

PVT	21	2,037,250	2	TRUNG TÍNH	6,797	10.5	1.2	43
PLX	41.85	921,170	2	TRUNG TÍNH	53,174	81.4	2.3	39
DGW	63	595,390	2	TRUNG TÍNH	10,274	14.0	4.8	38
MIG	24	1,396,960	2	TRUNG TÍNH	3,947	20.2	1.9	34
APS	16.9	1,962,605	2	TRUNG TÍNH	1,403	5.7	1.0	33
BSR	25.3	10,777,665	1	TRUNG TÍNH	78,443	12.0	2.1	273
VGC	62	1,236,865	1	TRUNG TÍNH	27,798	14.3	3.6	77
HPG	23.4	30,030,744	0	TRUNG TÍNH	136,066	4.9	1.4	703
STB	25.2	14,121,105	0	TRUNG TÍNH	47,507	13.2	1.3	356
VPB	29.6	11,693,285	0	TRUNG TÍNH	131,586	7.9	1.5	346
VCI	45.1	5,515,350	0	TRUNG TÍNH	15,109	9.9	2.1	249
CEO	34.5	6,938,385	0	TRUNG TÍNH	8,878	35.6	2.9	239
NKG	20.6	10,836,550	0	TRUNG TÍNH	5,424	2.9	0.9	223
DGC	91	2,402,280	0	TRUNG TÍNH	33,783	7.3	3.7	219
SHS	14.4	13,842,505	0	TRUNG TÍNH	11,709	9.5	1.3	199
POW	13.8	12,010,365	0	TRUNG TÍNH	32,318	20.5	1.1	166
VHM	61.4	2,157,960	0	TRUNG TÍNH	267,358	9.5	2.2	132
DCM	31.75	3,859,975	0	TRUNG TÍNH	16,808	4.5	1.7	123
VIX	12.8	7,876,260	0	TRUNG TÍNH	7,030	6.2	1.1	101
HAH	68.6	1,217,790	0	TRUNG TÍNH	4,610	7.4	2.4	84
ACB	24.75	3,056,665	0	TRUNG TÍNH	83,592	7.1	1.6	76
BVH	56.7	1,228,460	0	TRUNG TÍNH	42,090	23.8	1.9	70
TPB	28.5	2,224,370	0	TRUNG TÍNH	45,080	8.1	1.6	63
TCH	12.25	4,456,850	0	TRUNG TÍNH	8,186	18.2	0.9	55
CTD	61.6	855,930	0	TRUNG TÍNH	4,550	#N/A N/A	0.6	53
VRE	28.9	1,488,430	0	TRUNG TÍNH	65,670	50.7	2.1	43
PHR	67.7	621,240	0	TRUNG TÍNH	9,173	13.8	2.8	42
FTS	35	1,166,655	0	TRUNG TÍNH	6,666	8.7	2.1	41
PAN	23.6	1,479,520	0	TRUNG TÍNH	4,930	12.7	1.2	35
DIG	40	8,763,075	-2	TRUNG TÍNH	24,394	22.7	3.2	351
HAG	12.2	22,878,224	-2	TRUNG TÍNH	11,314	16.0	2.6	279
GEX	23.6	9,697,175	-2	TRUNG TÍNH	20,095	27.8	1.6	229
HCM	26.85	8,234,005	-2	TRUNG TÍNH	12,276	10.6	1.6	221
MBB	26.8	7,904,230	-2	TRUNG TÍNH	101,259	6.4	1.5	212
MWG	63	3,183,990	-2	TRUNG TÍNH	92,214	18.8	4.1	201
TCB	38.5	4,378,570	-2	TRUNG TÍNH	135,170	6.7	1.3	169
IDC	62.2	2,273,495	-2	TRUNG TÍNH	20,526	10.3	3.8	141
DPM	46.6	2,814,880	-2	TRUNG TÍNH	18,236	3.6	1.5	131
CTG	28.5	4,420,400	-2	TRUNG TÍNH	136,964	9.3	1.3	126
PDR	53.6	1,658,825	-2	TRUNG TÍNH	36,000	17.2	4.7	89
MSN	106.8	821,435	-2	TRUNG TÍNH	152,054	14.9	5.2	88
HDC	47.2	1,589,480	-2	TRUNG TÍNH	5,102	15.4	3.2	75
VJC	125.2	516,710	-2	TRUNG TÍNH	67,810	180.1	3.9	65
GMD	51.5	1,129,645	-2	TRUNG TÍNH	15,521	19.1	2.3	58
LCG	11.8	4,927,320	-2	TRUNG TÍNH	2,238	11.9	0.9	58
PC1	38	1,493,490	-2	TRUNG TÍNH	8,936	18.3	1.8	57
SZC	52.3	975,805	-2	TRUNG TÍNH	5,230	18.9	3.7	51
GVR	24.7	1,815,910	-2	TRUNG TÍNH	98,800	21.0	2.0	45

DPG	46.7	935,985	-2	TRUNG TÍNH	2,942	7.9	2.0	44
KSB	28.9	1,434,790	-2	TRUNG TÍNH	2,186	11.2	1.2	41
NT2	26	1,341,515	-2	TRUNG TÍNH	7,485	8.3	1.7	35
KBC	37.5	5,916,185	-3	TRUNG TÍNH	28,785	11.5	1.7	222
VCG	23	4,159,310	-3	TRUNG TÍNH	11,175	10.1	1.5	96
KDC	68.2	1,267,095	-3	TRUNG TÍNH	17,161	30.5	2.6	86
HQC	5.24	9,945,140	-3	TRUNG TÍNH	2,497	307.7	0.6	52
HHV	15.25	2,210,895	-3	TRUNG TÍNH	4,078	13.9	0.6	34
SHB	14.8	12,898,375	-4	TIÊU CỰC	39,470	5.4	1.0	191
DBC	25.7	6,289,735	-4	TIÊU CỰC	6,219	22.8	1.3	162
AAA	12.5	5,602,225	-4	TIÊU CỰC	4,778	13.5	0.8	70
ASM	15.8	3,130,345	-4	TIÊU CỰC	5,317	6.4	1.0	49
MBS	24.4	1,979,390	-4	TIÊU CỰC	6,529	9.7	1.8	48
FCN	15.9	2,987,975	-4	TIÊU CỰC	2,503	81.5	1.0	48
VNM	71.1	1,858,745	-5	TIÊU CỰC	148,596	17.5	4.4	132
HUT	29.1	4,484,850	-5	TIÊU CỰC	10,145	38.6	2.6	131
HDG	50.5	1,712,210	-5	TIÊU CỰC	12,353	8.9	2.5	86
LPB	15.35	7,361,020	-6	TIÊU CỰC	23,080	4.8	1.0	113
VIB	25.65	2,120,165	-7	TIÊU CỰC	54,062	7.5	1.9	54

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Thông tin cập nhật

Lạm phát tháng 7 của Mỹ thấp hơn dự báo

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7 tại Mỹ tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2021, thấp hơn mức tăng kỷ lục hơn bốn thập kỷ 9,1% ghi nhận trong tháng trước đó, phần nhiều nhờ vào đà suy giảm mạnh của giá xăng trong khoảng hơn một tháng trở lại đây. CPI đi ngang so với tháng 6 khi giá năng lượng giảm 4,6%, giá xăng giảm 7,7%. Ở chiều ngược lại, giá thực phẩm tăng 1,1% và chi phí nhà ở tăng 0,5%. Nếu loại bỏ chi phí giá năng lượng và thực phẩm, CPI tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước và 0,5% so với tháng 6. Thị trường ngay lập tức phản ứng tích cực sau khi thông tin được công bố. Chỉ số S&P 500 và Nasdaq tăng lần lượt gần 2% và 3%, chỉ số Dow Jones tăng hơn 500 điểm. Lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ giảm mạnh. “Mọi việc đang đi đúng hướng”, theo Aneta Aneta Markowska, Kinh tế trưởng tại Jefferies. “Đây là báo cáo kinh tế tích cực nhất thời gian gần đây”, bà chia sẻ. Trước đó, trong tuần này, kết quả khảo sát của Cục Dự trữ New York (Fed New York) phản ánh kỳ vọng lạm phát của người dân Mỹ suy giảm trong thời gian tới. Tuy nhiên, ở thời điểm hiện tại, tình trạng gia tăng chi phí sinh hoạt vẫn là một thách thức lớn mà người dân Mỹ phải đối mặt.

VHC: Doanh thu tháng 7 tăng 48% so với cùng kỳ

Vinh Hoàn ([HoSE: VHC](#)) vừa công bố kết quả kinh doanh tháng 7 với tổng doanh thu 1.198 tỷ đồng, tăng 48% so với cùng kỳ năm ngoái và tăng gần 13% so với tháng 6. Lũy kế 7 tháng, tổng doanh thu đạt 8.692 tỷ đồng, tăng 82,7%. Doanh thu từ sản phẩm từ cá tra vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu khi đạt 789 tỷ đồng, tăng 44% so với cùng kỳ năm trước. Hầu như các sản phẩm khác đều có sự tăng trưởng về doanh thu hai chữ số, trong đó có sản phẩm doanh thu của sản phẩm hỗn hợp tăng mạnh nhất so với tháng 7 năm ngoái với mức 335% lên 73 tỷ đồng. Duy chỉ có sản phẩm bánh phồng tôm ghi nhận doanh thu giảm từ 36 tỷ về 15 tỷ đồng. Về xuất khẩu, các thị trường xuất khẩu chính của Vinh Hoàn đều có sự tăng trưởng về doanh thu so với tháng 7/2021. Thị trường xuất khẩu chủ lực của đơn vị này vẫn là Mỹ khi chiếm 36,2% tổng doanh thu, đạt 434 tỷ đồng, tăng trưởng 32% so với cùng kỳ 2021 và tăng 31% so với tháng 6. Doanh thu tại thị trường nội địa tăng 41% lên 177 tỷ đồng nhưng so với tháng 6 lại giảm 30%. Tại châu Âu, Trung Quốc và một số khu vực khác doanh số đều tăng so với cùng kỳ và so cả với tháng trước.

TCL: chốt quyền trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 42%

Công ty cổ phần đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng ([HoSE: TCL](#)) thông báo ngày 30/8 đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt tỷ lệ 42%. Thời gian chi trả ngày 30/9, số tiền dự chi 126,7 tỷ đồng. Vận tải xếp dỡ Tân Cảng hoạt động trong lĩnh vực xếp dỡ container, khai thác cảng và cung cấp dịch vụ vận chuyển đa phương thức. Địa bàn kinh doanh chính ở khu vực TP HCM, Đồng Nai và Hải Phòng. Năm 2021, doanh nghiệp dịch vụ vận tải báo cáo doanh thu tăng nhẹ 9% đạt 1.186 tỷ đồng, lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ tăng 14% đạt 113,4 tỷ đồng. Với kết quả này, cổ đông công ty đã thông qua nâng cổ tức

năm 2021 từ 22% theo kế hoạch trước đó lên 42%, số tiền dự chi tăng từ 66,3 tỷ đồng lên 126,7 tỷ đồng.

GAS: đấu giá công khai PV Pipe với mức giá khởi điểm gần 8.200 đồng/cổ phiếu

Tổng công ty Khí Việt Nam (PV Gas – [HoSE: GAS](#)) công bố chuyển nhượng hơn 183,3 triệu cổ phần đang nắm giữ tại CTCP Sản xuất ống thép Dầu khí (PV Pipe), tương ứng tỷ lệ sở hữu 99,9946% cổ phần, theo hình thức đấu giá công khai theo lô. Giá khởi điểm cho phiên đấu giá là 8.197 đồng/cổ phiếu, tương đương với tổng giá trị cổ phần 1.506 tỷ đồng. Các nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước đều có thể tham gia đấu giá nhưng với cam kết thanh toán gần 400 tỷ đồng khoản phải thu của PV Gas từ PV Pipe. Các công ty con còn lại của PV Gas là CTCP Kinh doanh LPG Việt Nam (PVGAS LPG), CTCP phân phối khí Thấp áp Dầu Khí Việt Nam (PV GAS D), CTCP Bọc ống dầu khí Việt Nam (PV Coating), CTCP CNG Việt Nam (CNG), CTCP LNG Việt Nam (LNG), và công ty TNHH Kho cảng LNG Sơn Mỹ (Son My LNG). Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam (PV Pipe) là công ty chuyên về sản xuất ống thép được thành lập ngày 26/4/2010. PV Pipe sở hữu Nhà máy Chế tạo ống thép Dầu khí tại KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp tại tỉnh Tiền Giang, với công suất thiết kế 100.000 tấn/năm/ca trên diện tích 22,9ha. Chiến lược phát triển của PV Pipe là tập trung sản xuất chế tạo các loại ống thép hàn thẳng phục vụ cho các dự án xây dựng đường ống dẫn dầu, khí tại Việt Nam và xuất khẩu sang các nước trong khu vực và trên thế giới.

SGT: báo lỗ 60 tỷ đồng quý II

Theo BCTC hợp nhất quý II, Công nghệ viễn thông Sài Gòn (Saigontel, [HoSE: SGT](#)) ghi nhận doanh thu thuần đạt 165 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ năm trước. Giá vốn gấp 4,5 lần nên lợi nhuận gộp giảm 52% xuống 23 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp giảm sâu từ 59, 4% xuống 13,7%. Doanh thu tài chính gấp 3,7 lần lên 18 tỷ đồng, chi phí tài chính đột biến lên 75 tỷ đồng, gấp 5,3 lần quý II do trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính. Các khoản mục khác biến đổi không đáng kể. Doanh nghiệp báo lỗ hơn 60 tỷ đồng, cùng kỳ năm trước lãi 15 tỷ đồng. Tuy nhiên, nhờ quý I lãi kỷ lục 190 tỷ đồng, lũy kế nửa năm Saigontel vẫn lãi ròng 129 tỷ đồng, gấp 6,2 lần cùng kỳ năm trước. Doanh nghiệp lý giải lợi nhuận gộp quý II giảm so với cùng kỳ năm trước do đất triển khai giai đoạn I tại khu công nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã phủ đầy và đang chờ triển khai giai đoạn II. Trong khi lũy kế 6 tháng biên lợi nhuận tăng nhờ nỗ lực mang lại trong quý I với hoạt động cho thuê đất và nhà xưởng tại chi nhánh Bắc Ninh và dự án TM7 tại Bắc Giang.

CTR: báo lãi 7 tháng tăng hơn 22%

Công trình Viettel (Viettel Construction, [HoSE: CTR](#)) vừa công bố kết quả kinh doanh lũy kế 7 tháng với doanh thu 5.043 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ 2021. Lợi nhuận trước thuế là 288,6 tỷ đồng, tăng 22,4%. Với kết quả này, công ty đã hoàn thành 59% kế hoạch doanh thu và 56% chỉ tiêu lợi nhuận năm. Trong 6 tháng đầu năm, Viettel Construction ghi nhận doanh thu thuần 4.226 tỷ đồng, tăng 19,3% so với nửa đầu năm 2021; lợi nhuận trước thuế 240,2 tỷ đồng, tăng 23,6%. Như vậy, trong tháng 7 doanh thu của công ty ước tính là 817 tỷ đồng, tăng 20% so với tháng 7/2021, lãi trước thuế 48,4 tỷ đồng. Trong 7 tháng qua, mảng vận

hành khai thác đóng góp nhiều nhất vào doanh thu khi chiếm tỷ trọng 58%, đạt 2.922 tỷ đồng, tăng 23%. Mạng xây lắp, dịch vụ kỹ thuật hay hạ tầng đều ghi nhận sự tăng trưởng nhưng doanh thu mảng giải pháp tích hợp giảm 31% còn 494,4 tỷ đồng. Ở lĩnh vực hạ tầng công trình, đơn vị đã hoàn thành xây dựng 1.053 trạm BTS, hoàn thành 42,5% kế hoạch năm. Tính đến 31/7, Viettel Construction sở hữu và cho thuê 3.486 trạm BTS, gần 1,9 triệu m² DAS, 2.986 km đường truyền dẫn và 16.874 MWp năng lượng mặt trời.

FPT: 7 tháng đầu năm đạt lợi nhuận 4.242 tỷ đồng, tăng trưởng 23,7%

Thông tin mới từ CTCP FPT (mã FPT), 7 tháng đầu năm, doanh thu của tập đoàn đạt 23.219 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế (LNTT) 4.242 tỷ đồng, tăng lần lượt 22,2% và 23,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ là 2.906 tỷ đồng, tăng 30,1% và EPS đạt 2.659 đồng. Tính riêng tháng 7, FPT ghi nhận 3.390 tỷ đồng doanh thu, 605 tỷ đồng lãi trước thuế; tăng lần lượt 22% và gần 23% so với tháng 7 năm ngoái. Lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 416 tỷ đồng trong tháng 7. Năm 2022, tập đoàn lên kế hoạch kế hoạch 42.420 tỷ đồng doanh thu và 7.618 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Theo đó, với kết quả đạt được sau 7 tháng, FPT đã thực hiện được gần 55% mục tiêu doanh thu và gần 56% kế hoạch lợi nhuận trước thuế cả năm. Trong đó, mảng công nghệ tiếp tục đóng góp lớn nhất vào cơ cấu doanh thu và lợi nhuận trước thuế với tỷ lệ lần lượt là 57% và 45%. Doanh thu mảng công nghệ đạt 13.259 tỷ đồng, LNTT là 1.923 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 22,1% và 25,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Tăng trưởng doanh thu dịch vụ chuyển đổi số đạt 50%, trong đó doanh thu đến từ dịch vụ đám mây (Cloud) tăng gấp gần 2 lần so với cùng kỳ (87%), chiếm 55% doanh thu dịch vụ chuyển đổi số.

VPB: sẽ gỡ hạn chế chuyển nhượng hơn 4,4 triệu cổ phiếu ESOP

Ngày 10/8, VPBank ([HoSE: VPB](#)) thông báo giải tỏa đợt một 30% lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng, phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động năm 2021 (ESOP 2021), tương đương 4,46 triệu cổ phiếu. Thời gian dự kiến giải tỏa từ ngày 15-19/8. Đầu tháng 7, VPBank cũng thông báo phát hành 30 triệu cổ phiếu theo chương trình ESOP 2022 với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. VPBank sẽ dùng 30 triệu cổ phiếu quỹ để chào bán cho cán bộ nhân viên với tỷ lệ 0,675%. Tổng số tiền thu được sau khi phát hành ESOP là 300 tỷ đồng. Số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tối đa trong vòng ba năm từ ngày kết thúc đợt chào bán. Sau năm đầu tiên, 30% số cổ phần sẽ được giải tỏa, năm thứ hai và năm thứ ba lần lượt có tỷ lệ giải tỏa là 35%. VPBank cho biết mục đích đợt phát hành cổ phiếu ESOP lần này nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ nhân viên (CBNV), gắn liền lợi ích của CBNV với lợi ích công ty, tạo động lực cho người lao động. Ngoài ra còn khuyến khích CBNV, tăng động lực cho CBNV khi công tác chuyên môn, thu hút nhân tài và giữ chân những CBNV có năng lực.

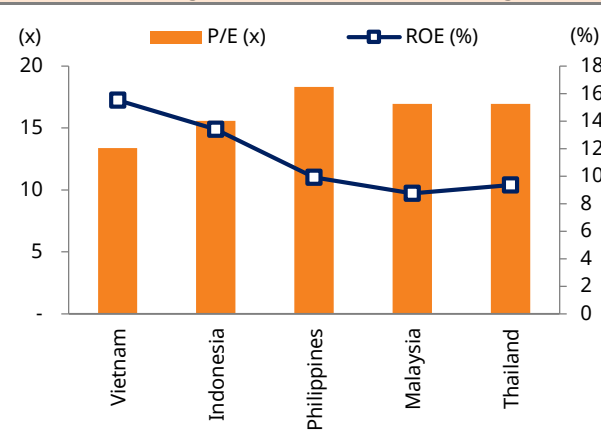
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ 2. VN Index: Định giá P/E lịch sử



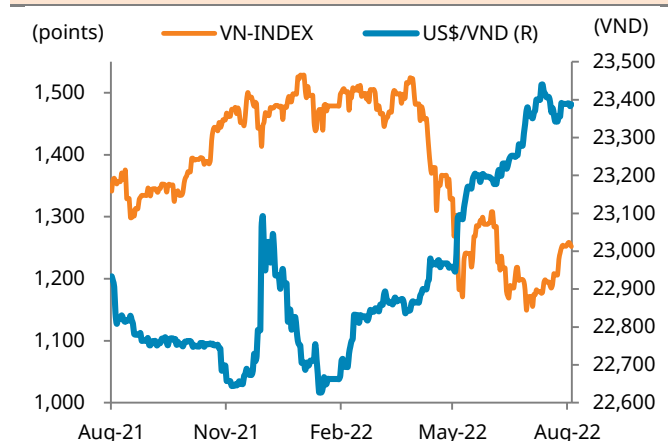
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. Định giá P/E và ROE các thị trường



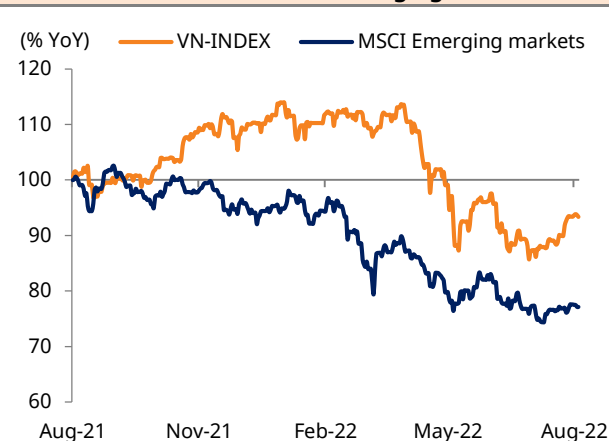
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. VN-Index và USD/VND



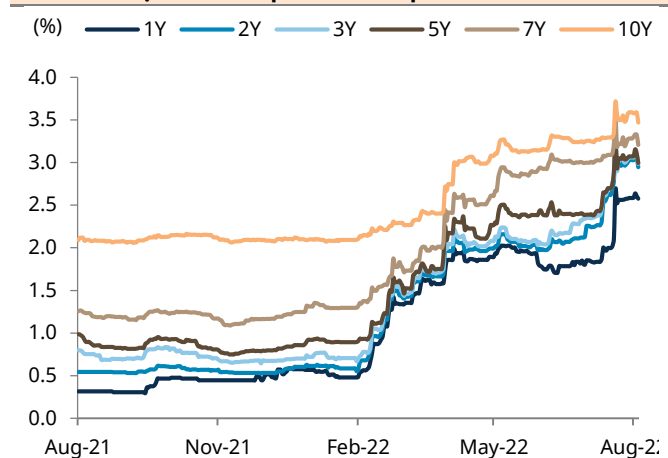
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. VN Index và MSCI Emerging Markets



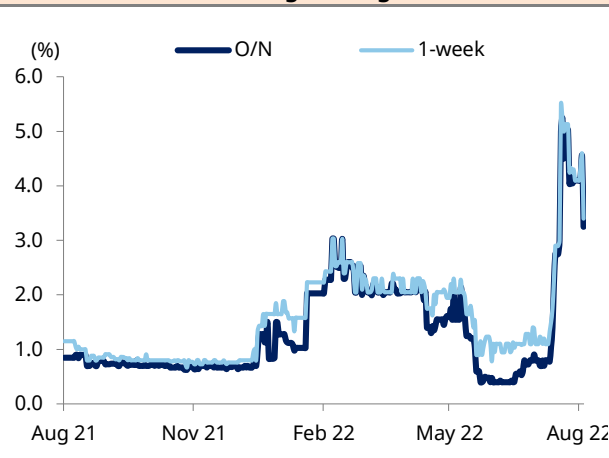
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	VN-Index	1,252.07	4,993,473		-0.4	-0.1	8.4	-7.8	14.5	11.9	2.2	2.0	35.3	21.1	15.5	18.8
VN30 Index	VN30	1,272.33	3,460,557		-0.4	0.0	5.2	-14.5	11.9	10.4	2.3	1.8	38.5	14.4	19.6	21.3
Asia Commercial Bank	ACB VN	24,750	83,592	30.0	-0.4	-0.4	5.3	-14.1	8.8	6.8	1.9	1.5	24.6	30.5	23.5	24.7
BIDV	BID VN	38,300	193,741	16.9	-0.3	-1.8	11.0	11.8	22.2	14.5	2.3	2.0	50.3	52.4	11.0	15.5
Bao Viet Holdings	BVH VN	56,700	42,090	26.6	-1.4	-3.6	3.8	4.6	22.2	17.7	2.0	1.8	21.8	25.3	9.2	9.0
VietinBank	CTG VN	28,500	136,964	26.8	0.2	-1.7	11.8	-16.9	9.7	7.3	1.5	1.2	18.2	32.8	15.8	18.1
FPT Corp	FPT VN	86,000	94,344	49.0	0.0	0.2	3.9	7.4	23.7	17.8	5.2	4.5	21.5	33.6	23.4	26.8
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	113,000	216,276	3.0	1.9	3.2	19.1	18.3	25.9	15.4	4.2	3.7	8.1	68.1	16.8	24.4
Vietnam Rubber Group	GVR VN	24,700	98,800	0.5	-1.4	-0.2	17.9	-27.6	23.8	20.2	2.1	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	25,300	50,909	17.3	1.0	2.4	10.5	-10.8	8.3	7.1	1.7	1.4	42.5	18.1	23.3	22.9
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	23,400	136,066	20.2	-1.7	0.4	6.1	-37.9	4.2	5.0	1.5	1.2	151.5	-14.3	42.8	27.7
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	39,000	27,956	32.1	0.6	0.8	11.4	7.1	23.9	19.7	2.7	2.4	3.1	21.9	12.2	12.9
MBBank	MBB VN	26,800	101,259	23.2	-1.5	-0.6	9.8	-9.8	8.0	6.5	1.7	1.3	53.0	22.4	23.6	23.7
Masan Group Corp	MSN VN	106,800	152,054	28.7	0.9	2.2	4.2	-6.2	17.6	24.9	4.6	3.9	589.7	-29.2	35.1	17.4
Mobile World Investment Corp	MWG VN	63,000	92,214	49.0	-0.9	0.5	-2.3	8.0	18.3	14.9	4.4	3.1	18.2	22.6	27.3	25.7
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	81,300	158,521	5.7	-2.3	0.5	10.8	2.5	44.7	30.7	4.5	4.0	-18.7	45.4	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	53,600	36,000	2.6	-0.2	-0.7	2.5	-21.4	20.0	#N/A	5.1	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	41,850	53,174	17.5	-0.2	0.5	5.9	-21.6	23.4	19.5	2.1	2.1	160.6	19.9	9.7	11.0
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	25,650	54,062	20.5	-1.3	-1.2	7.3	-16.8	8.5	6.6	2.2	1.6	39.0	29.4	29.9	28.4
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,800	32,318	2.3	-1.1	-1.4	10.4	20.5	18.2	16.7	1.1	1.0	-24.2	8.9	6.2	6.3
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	182,000	116,713	62.8	0.0	-0.3	17.3	18.0	33.1	26.4	5.5	5.0	-22.9	25.4	17.1	20.0
SSI Securities Corp	SSI VN	24,400	36,359	24.7	-0.6	-1.6	18.2	-31.9	10.0	9.2	1.8	1.4	100.3	8.5	21.0	19.3
Sacombank	STB VN	25,200	47,507	22.9	1.2	-0.2	14.3	-17.1	15.5	14.4	1.4	1.2	30.6	7.4	9.5	11.3
Techcombank	TCB VN	38,500	135,170	22.5	-0.8	0.3	8.1	-26.4	7.5	6.3	1.5	1.2	46.1	19.0	21.7	20.7
Tien Phong Bank	TPB VN	28,500	45,080	30.0	0.7	-1.0	9.6	4.0	8.8	10.2	1.7	1.4	28.5	-14.0	22.6	22.3
Vietcombank	VCB VN	81,500	385,700	23.5	1.2	-0.6	13.2	3.5	19.4	14.5	3.5	2.8	19.7	33.6	19.6	21.3
Vinhomes JSC	VHM VN	61,400	267,358	23.3	0.2	-0.6	1.5	-31.2	6.8	8.6	2.1	1.8	40.9	-20.5	36.9	21.6
Vingroup JSC	VIC VN	65,800	250,957	12.2	1.5	0.6	-6.0	-33.3	#N/A	267.5	2.4	2.4	-145.6	135.9	-2.8	8.4
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	125,200	67,810	16.8	-0.2	-1.0	-1.7	5.5	900.7	44.8	4.0	#N/A	6.1	1,911.5	0.5	8.9
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	71,100	148,596	54.7	-1.9	-2.1	-2.6	-21.8	15.7	16.6	4.5	4.3	-5.3	-4.9	29.3	28.0
VPBank	VPB VN	29,600	131,586	17.6	-1.7	0.9	7.6	-12.9	11.2	6.9	1.7	1.3	11.6	62.3	17.9	20.3
Vincom Retail JSC	VRE VN	28,900	65,670	32.1	1.8	-0.2	11.2	3.2	50.0	28.7	2.1	2.0	-44.8	74.1	4.4	8.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.